# UNIT 8: TOURISM

## A. VOCABULARY

| New words | Meaning | Picture | Example |
|---|---|---|---|
| accommodation<br>/əˌkɑːməˈdeɪʃn/<br>(n) | Chỗ ở | | It's hard to find good accommodation during holiday season.<br>*Rất khó để tìm một chỗ ở tốt trong mùa du lịch.* |
| affordable<br>/əˈfɔːrdəbl/<br>( adj) | Có thể chi trả, giá cả phải chăng. | | This company charges an affordable price for its new product.<br>*Công ty này đưa ra giá cả phải chăng cho sản phẩm mới của mình.* |
| cruise<br>/kruːz<br>(n) | Cuộc đi chơi biển | | I hope to go on a cruise around the world.<br>*Tôi hy vọng có thể có chuyến đi trên biển vòng quanh thế giới.* |
| destination<br>/ˌdestɪˈneɪʃn/<br>(n) | Điểm đến | | What's our next destination?<br>*Đâu là điểm đến tiếp theo của chúng ta?* |
| excursion<br>/ɪkˈskɜːrʒn/<br>(n) | Chuyến đi ngắn | | They will go on an excursion to Hawaii.<br>*Họ sẽ đi một chuyến đi ngắn đến Hawaii.* |

LIVEWORKSHEETS

| | | | |
|---|---|---|---|
| expedition<br>/ˌekspəˈdɪʃn/<br>(n) | Chuyến hành trình | | We are planning an expedition to the Amazon forest.<br><br>*Chúng tôi đang lên kế hoạch cho một chuyến hành trình tới rừng Amazon.* |
| make up one's mind.<br>/meɪk ʌp wʌnz maɪnd/ | Quyết định | | Have you made up your mind about future career?<br><br>*Bạn đã có quyết định cho nghề nghiệp trong tương lai chưa?* |
| narrow down<br>/ˈnæroʊ daʊn/ | Cắt giảm xuống | | They narrowed down the list to four contestants.<br><br>*Họ đã cắt danh sách xuống còn 4 thí sinh.* |
| resort<br>/rɪˈzɔːrt/<br>(n) | Khu nghỉ dưỡng | | It is the most famous mountain resort in Japan.<br><br>*Đây là khu nghỉ dưỡng trên núi nổi tiếng ở Nhật Bản.* |
| safari<br>/səˈfɑːri/<br>(n) | Cuộc đi săn, cuộc hành trình. | | Jim has just come home from a long safari.<br><br>*Jim vừa trở về nhà từ một chuyến hành trình dài.* |
| sightseeing<br>/ˈsaɪtsiːɪŋ/<br>(n | Ngắm cảnh | | My friend took me on a sightseeing tour of the city.<br><br>*Bạn tôi dẫn tôi đi một chuyến tham quan thành phố.* |

LIVEWORKSHEETS

| | | | |
|---|---|---|---|
| souvenir<br>/ˈsuːvənɪr/<br>(n) | Đồ lưu niệm | | I bought this bracelet in a souvenir shop in China.<br><br>*Tôi mua chiếc vòng tay này ở một quầy lưu niệm ở Trung Quốc.* |
| touchdown<br>/tʌt ʃdaʊn/<br>(n) | Hạ cánh | | The plane had a smooth touchdown.<br><br>*Máy bay đã hạ cánh một cách nhẹ nhàng.* |
| tour guider<br>/tʊr ˈgaɪdər/<br>(n) | Hướng dẫn viên du lịch. | | We rarely hire a tour guider when we go sightseeing.<br><br>*Chúng tôi hiếm khi thuê hướng dẫn viên du lịch khi chúng tôi đi tham quan.* |

**B. GRAMMAR: CÁCH DÙNG KHÁC CỦA MẠO TỪ ( ARTICLES : OTHER USES).**

**I. MẠO TỪ KHÔNG XÁC ĐỊNH A/AN.**

| Cách dùng | Ví dụ |
|---|---|
| Dùng "**a**" hoặc "**an**" trước một danh từ số ít đếm được. để chỉ một người,một vật được đề cập đến lần đầu, người nghe không biết chính xác hoặc chưa từng biết về người hay vật đó. | I saw a boy in the street. → người nghe chưa biết cụ thể là cậu bé nào,cậu bé chưa được đề cập đến trước đó. |
| "**a, an** " dùng trước danh từ đếm được số ít , để chỉ 1 người,1 vật nói chung,có tính khái quát,nêu 1 thành viên bất kì của 1 loại. | An owl can see in the dark. = Owls can see in the dark *( bất kỳ con cú nào - hầu hết các con cú nói chung - đều có thể nhìn trong bóng tối.)* |

**II. MẠO TỪ XÁC ĐỊNH THE.**

Mạo từ xác định "The" được dùng cho tất cả các danh từ: danh từ đếm được số ít, danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được. **Ví dụ, the boy,the boys, the food…**

LIVEWORKSHEETS

| Cách dùng | Ví dụ |
|---|---|
| " **The**" được dùng trước danh từ chỉ người/vật đã xác định cụ thể hoặc đã được đề cập tới trước đó- người nghe hiểu người nói về người/vật nào. | -Did you lock the car? *( cả người nói ,người nghe đều biết về chiếc xe hơi này: xe của bạn/ xe của chúng ta).*<br>-His car struck a tree, you can still see the mark on the tree. *(tree" trong mệnh đề thứ 2 đã được đề cập tới trước đó trong mệnh đề thứ nhất).* |
| " **the**" được dùng để nói đến 1 vật cụ thể, 1 nhóm người/vật cụ thể. | The cars in this parking lot belong to people who work here. *(Những chiếc xe cụ thể trong bãi đỗ này).*<br>-The sugar on the table is from Cuba. *(cụ thể là đường ở trên bàn).* |
| " **the**" dùng trước danh từ chỉ vật là duy nhất,vật gì đó chỉ có một trong môi trường quanh ta: **the earth, the sun, the moon, the world, the equator, the Prime Minister, the capital, the universe, the environment…** | -The earth goes around the sun, and the moon goes around the earth.<br>- Madrid is the capital of Spain. |
| " **the**" được dùng để ám chỉ tới thế giới xung quanh ta hoặc những thứ chúng ta đều biết. | -We had a sight seeing tour around **the city**.( *thành phố*).<br>- Life would be quieter without **the telephone**. ( *máy móc*) |
| " **the**" đứng trước tên các quốc gia có từ " **Republic, State, Kingdom, Union**" hoặc tên các quốc gia ở số nhiều. | -The United States, the Philippines, The United Kingdom, the Dominican Republic, the Netherlands… |
| " **The**" đứng trước tên các đại dương, sông ngòi, kênh đào, nhóm hồ, quần đảo, dãy núi, biển. | -Đại dương: The Pacific ( Ocean), The Alantic ( Ocean), the Indian (Ocean)…<br>-Biển: The Red Sea, the Black Sea, the Baltic…<br>- Sông: The River Nile, the Volga, the Thames, the Amazon…<br>- Kênh đào: The Panama Canal…<br>- Nhóm hồ,quần đảo: The Great Lakes, The British Isles…<br>- Dãy núi: The Rocky Mountain, The Himalayas, the Andes, The Alps… |

LIVEWORKSHEETS

## III. MẠO TỪ RỖNG / KHÔNG CÓ MẠO TỪ ( ZERO ARTICLE)

| | |
|---|---|
| Không dùng mạo từ với danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được khi nói về những thứ chung chung | Passwords protect our personal information.<br>Cars have wheels. *(xe hơi nói chung)*<br>Tigers are in danger of becoming extinct. |
| Không dùng mạo từ với các bữa ăn, tháng, thứ, mùa, dịp đặc biệt của năm. | See you on Thursday.<br>I started the course in January.<br>My country is lovely in Spring.<br>I visit my grandparents on New Year's Day. |
| Không dùng mạo từ với hầu hết tên người hoặc tên địa điểm ( hầu hết tên quốc gia, tiểu bang, lục địa, thành phố, thị trấn). | Lục địa: Africa, Europe, Asia.<br>Quốc gia: France, Japan, New Zealand.<br>Tiểu bang: Texas, Floria, California<br>Thành phố,thị trấn: New York, Bristol, Cairo. |
| Không dùng mạo từ với các khu vực, hồ, núi, đồi, đảo. | Hồ: Lake Geneva, Lake Michigan<br>Đảo: Bereca, Sicily.<br>Núi: Mount Everest.<br>Đồi: North Hill |

# BÀI TẬP VẬN DỤNG CƠ BẢN

**BÀI 1: Điền mạo từ the hoặc Þ vào chỗ trống sao cho phù hợp.**

1._____Earth orbits around _____ Sun.

2._____dogs are our best friends.

3. My mother used to be_____most beautiful girl in her class.

4. We need to join hands to protect_____cheetahs from extinction.

5. My foreign friend took me on sightseeing tour around _____town.

6. There are many festivals taking place in_____spring.

7. Communication has never been so convenient before thanks to _____Internet.

8. Last year, a terrible storm reached_____Philippines.

9. Many people mistake Rio de Janeiro for _____capital of Brazil.

LIVEWORKSHEETS

10.Many people migrate to _____US in the hope of material success.

11. _____Japan is my favourite country besides my homeland.

12. Do you have any ideas about_____British Isles?

13. Yesterday I watched a documentary about _____River Nile.

14. I know some people who have climb_____Himalayas.

15. Our family has lived_____Canada for 5 years.

**Bài 2: Khoanh tròn đáp án đúng.**

1.Please turn off _____ air - conditioner when you leave _____room.

A. the- the B. a- the C. a - a D. the - a

2. Jim hasn't found _____ place to _____ night.

A. the - the B. a - the C. a - a D. the - a

3. Can you show me _____ way to _____ post office please?

A. the- the B. a - the C. a - a D. the - a

4. Mr. Smith is _____ old customer of my store and he is also_____man.

A. the - the B. a - an C. an - a D. the - a

5. My brother has bought me_____beautiful dress as a birthday present.

A. the B. a C. an D. Þ

6. Jim is _____youngest boy of the family and this year he will go to_____school.

A. the - Þ B. a- a C. a-the D. the- a

7. There is a huge gap between _____rich and _____ poor in this country.

A. the- the B. a- an C. a-the D. the- a

8. Peter was in_____ hospital and yesterday we went to_____hospital to visit him.

A. the- Þ B. the- the C. Þ - the D. the- a

9. My sister told me that she had met her old teacher_____ day before.

A. the B. a C. an D. Þ

LIVEWORKSHEETS

10. Have you ever gone to _____prison to visit him?

A. the B. a C. an D. Þ

11. I didn't think it was_____expensive restaurant until I checked the menu.

A. the B. a C. an D. Þ

12. Yesterday my teacher told us _____story about _____ English writer.

A. the- the B. a- an C. a-the D. the- a

13. Unlike other girls, Mary doesn't like_____parties and _____cosmetics.

A. the- the B. the- Þ C. Þ - the D. Þ - Þ

14. Last year I visited _____village in the Northern part of Vietnam. _____locals were very friendly.

A. the - the B. a - an C. a-the D. the- Þ

15. Job hunters always seek for people with _____experience.

A. the B. a C. an D. Þ

**Bài 3: Điền a/an/the/ Þ vào chỗ trống sao cho phù hợp.**

1. After having _____ breakfast, we went out for _____ walk in _____local park.

2. Watch out! Do not sit on_____ bench. It has been painted recently.

3.My father often takes me to_____cinema on _____Sunday.

4. Yesterday _____ Prime Minister gave a speech in front of his people.

5. Jim is always staying in _____bed untill lunch time when he doesn't have go to_____school.

6.The robber was sent to _____prison for five years.

7. My brother has got_____ new job and in _____next few years he will live far from home.

8. Mr. Brown always water his trees in _____morning.

LIVEWORKSHEETS

9. As_____little boy, I wished to be_____hero but now I just want to be_____normal person with _____decent job.

10. Although I had worked in _____ France for 3 years, I could hardly speak French.

11. In _____ future, I hope I have a chance to visit_____Red Sea.

12. Jim and his co-workers are planning an expedition to _____Mount Everest next year.

13.My brother owns_____cat and _____dog. Unfortunately,_____cat seems to hate_____dog and they never lives in harmony with each other.

14.What has been done so far to protect_____environment?

15.It never snows in our region at _____Christmas.

**Bài 4: Gạch chân lỗi sai trong các câu sau và sửa lại cho đúng.**

1. Many people think that the lead is the heaviest metal. _____

2. Young people are always open-minded than old. _____

3. The windows are supposed to let in natural light. _____

4. The most of the students in our class comes from Hanoi _____

5. Do you know that Alps are the most extensive mountain range system? _____

6. Mary doesn't enjoy tea parties and the gossip _____

7. I have a friend who is studying in Netherlands. _____

8. I think the light bulb is the very important invention of Thomas Edison _____

9. A relationship between Jim and Jane has turned sour since last year. _____

10. The news came as the shock to me. _____

**Bài 5: Dựa vào các từ cho trước, viết câu hoàn chỉnh.**

| |
|---|
| 1. Friend/ of/ mine/ come/ back/ from/ UK/ after/ long/ vacation. |
| 2. Hundred/ of/ people/ join/ carnival/ in/ Rio de Janeiro/ next/ month. |

LIVEWORKSHEETS

| |
|---|
| 3. Last year/ I/ go on/ expedition/ to/ North Pole. |
| 4. I/ hope/ I/ can/ visit/ longest/ river/ in/ Europe/ ,/ Volga/ ,/ in/ future. |
| 5. People/ used/ believe/ that/ Sun/ and/ all/ stars/ orbit/ around/ Earth. |
| 6. I/ often/ pay/ visit/ to/ local/ museum/ on/ Sunday. |
| 7. Mary/ take/ care/ of/ all/ members/ of/ our team/ since/ we/ set/ off/ for/ London. |
| 8. I/ always/ want/ climb/ Mount Everest/ since/ I/ be/ boy. |

**Bài 6: Điền một mạo từ thích hợp vào chỗ trống nếu cần thiết .**

1. My friends is angry with me because I can't remember _____exact date of her birthday.

2. _____Christmas is one of _____ important holidays in _____ Western countries.

3. _____Ho Chi Minh City is one of _____ biggest cities in _____ Vietnam.

4. "Are Kate and David _____ siblings. They look alike." "No, they aren't. They are_____cousins".

5. Yesterday_____fog was so thick that we couldn't see clearly. We followed_____car in front of us and hoped that we were going_____ right way.

6. My father has bought me_____computer. Thanks to it, I can learn many things from_____ internet. I think _____computer is one of _____greatest inventions of all time.

7. _____Great Lakes, also called_____Laurentian Great lakes and _____Great lakes of North America, are_____series of interconnected freshwater lakes.

8. _____Pacific Ocean is_____largest and deepest of Earth's oceanic divisions. It extends from _____Artic Ocean in _____ north to_____Southern Ocean in _____south. It is bounded by _____Asia and_____Australia in _____west and_____US in _____east.

9. When I was_____student, I lived with _____American couple in_____home stay in_____ Texas. Both_____host and_____hostess were friendly and helpful.

LIVEWORKSHEETS